

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HS-ST
Ngày 11/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/HSST-QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thế H, sinh năm 1995, tại xã TS, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: thôn NS, xã TS, huyện T1, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 sinh năm 1974 và bà Phạm Thị H2 sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án: Bản án số 54/2017/HSST ngày 09/8/2017 Tòa án nhân dân huyện VT xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 19/9/2017 thi hành xong án phí, đến ngày 28/10/2017 thi hành xong án phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12, từ năm 2015 đến năm 2016 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Lữ đoàn 242, Quân khu 3; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh của Tòa án nhân dân huyện T1, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Trần Thị Th, sinh năm 1981, trú tại thôn NS, xã TS, huyện T1, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Hiền L, sinh năm 1993, trú tại khu x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Anh Trần Văn Tr, sinh năm 1995, trú tại thôn BS, xã TS, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Anh Tô Văn S, sinh năm 1980, trú tại thôn Th1, xã TL, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

(những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21h ngày 07/3/2019, trên đường đến nhà bạn là Lê Hiền L, Nguyễn Thế H phát hiện công nhà chị Trần Thị Th ở cùng thôn mở, trong bếp có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen BKS 17K4-xyz nên nảy sinh ý định trộm cắp. Quan sát không thấy người trông coi, H đi vào bếp dắt xe ra đường dọc bê tông thôn NS, xã TS cách nhà chị Th khoảng 500m thì gặp L. Thấy H, L hỏi "xe này ở đâu đấy", H chỉ tay về phía sau và nói "xe của bạn ở gần nhà tao, xe bị hết xăng". H ngồi trên chiếc xe trộm cắp và nhờ L đẩy về nhà L. Khi về đến nhà L, do trời mưa nên H nói với L cho để nhờ xe đồng thời bảo L "xem có chỗ nào cầm cố hoặc bán giúp bạn tao chiếc xe không". L nói "Bây giờ muộn rồi để mai" rồi chở H về nhà. Đến khoảng 13h ngày 08/3/2019 H gọi điện cho L hỏi "Tìm được chỗ cầm cố xe chưa" thì L trả lời "Gọi cho Tr1 xem thế nào". H điện thoại cho Trần Văn Tr1, hẹn gặp Tr1 ở cầu xy thuộc xã TS, cách nhà L khoảng 10m để nhờ Tr1 cầm cố chiếc xe. Đến khoảng 20h cùng ngày, H dắt xe trộm cắp được đưa cho Tr1 đi cầm cố, Tr1 đến quán của anh Vũ Văn Th1, sinh năm 1974 ở thôn TTĐ, xã AN cầm cố xe lấy 2.000.000 đồng, số tiền này Tr1 đưa hết cho H, H lấy 500.000 đồng mang trả cho chị Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 2001 là vợ L, số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 17h ngày 11/3/2019, anh Tô Văn S điện thoại cho L nói muốn mua một chiếc xe để đi làm. Nhớ tới chiếc xe hôm trước H nhờ đi cầm cố, L gọi điện cho H hỏi: "Có anh S ở TL muốn mua xe, mày có bán không". H đồng ý bán nên L điện thoại cho Tr1 hỏi: "Chiếc xe hôm trước có lấy được không", Tr1 nói "lấy được". L điện thoại cho anh S nói "Có chiếc xe wave màu đỏ anh có lấy không". Anh S đồng ý, L điện cho Tr1 đến đón L. Tr1 và L đi đến đoạn đường gần Trường Trung học phổ thông HVT thuộc địa phận xã TS thì gặp anh S. Anh S đưa cho L 2.500.000 đồng, Tr1 chở L đến quán của anh Th2. Tr1 đưa cho anh Th2 2.100.000 đồng rồi lấy xe cho L và trả L 400.000 đồng. L đi xe đến chỗ anh S và trả lại anh S 400.000 đồng. Sáng ngày 12/3/2019 anh S điều khiển chiếc xe trên đi làm, anh S quan sát thấy chiếc xe này có đặc điểm giống với xe của anh Vũ Thế Tr2 là chồng của chị Th nên liên lạc cho anh Tr2 đến nhận xe. Ngày 12/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập biên bản quản lý chiếc xe trên.

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 02/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T1 kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen BKS: 17K4-xyz giá trị sử dụng tài sản còn lại là 5.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKSTH ngày 23/7/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố Nguyễn Thế H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý về án phí.

Bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thế H khai nhận, khoảng 21h ngày 07/3/2019, lợi dụng sơ hở trong quản lý, trông coi tài sản của gia đình chị Trần Thị Th, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen BKS: 17K4-xyz trị giá 5.800.000 đồng của chị Thmang đi cầm cố xe lấy 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo H phù hợp và được chứng minh bằng: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại là chị Trần Thị Th; lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lê Hiền L, anh Trần Văn Tr1, anh Tô Văn S; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường lập ngày 08/3/2019; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập ngày 12/3/2019; Bản kết luận Định giá tài sản do Hội đồng định giá tài sản Huyện T1 lập ngày 02/4/2019; Biên bản tạm giao tài sản do Công an Huyện T1 lập hồi 09h ngày 13/3/2019 và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, trong ngày 07/3/2019, bị cáo H đã có hành vi trộm cắp của chị Trần Thị Th 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen BKS: 17K4-xyz, trị giá 5.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thế H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo sợ cho nhân dân. Bị cáo đã trưởng thành về mọi mặt, đã bị xử tù về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, không chịu sửa chữa sai lầm lại tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để giáo dục riêng với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Trong vụ án này còn có anh Lê Hiền L là người đã đẩy giúp xe cho H, cho H để nhờ xe và bán xe giúp H; anh Trần Văn Tr1 là người mang chiếc xe đi cầm cố sau đó bán xe giúp H; anh Tô Văn S là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen BKS: 17K4-xyz, tuy nhiên quá trình điều tra xác định cả anh L, anh Tr1 và anh S đều không biết chiếc xe này do H trộm cắp mà có, bản thân anh L, anh Tr1 không được hưởng lợi gì từ việc bán xe, anh S sau khi mua xe phát hiện chiếc xe đó có đặc điểm giống chiếc xe mà vợ chồng chị Th, anh Tr2 bị mất đã chủ động thông báo và trả xe cho vợ chồng anh Tr2, chị Th nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh L, anh Tr1 và anh S là phù hợp.

Đối với anh Vũ Văn Th2, sinh năm 1974 ở thôn TTĐ, xã AN, huyện T1 là người đã cầm cố xe cho Tr1, quá trình điều tra xác định anh Th2 không biết nguồn gốc chiếc xe do Tr1 đến cầm cố là do H trộm cắp, anh Th2 có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với anh Th2 là có căn cứ.

[5] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen BKS: 17K4-xyz, sau khi định giá tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã trả lại cho người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Trần Thị Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo H bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

Anh Tô Văn S đã nhận lại số tiền mua xe và không yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[7] Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã quản lý 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave ZX màu đỏ đen BKS: 17K4-xyz, sau khi định giá tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 đã trả lại cho người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 11 tháng 9 năm 2019; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

